

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định và phân cấp việc quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ ...**

Căn cứ Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 1 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ Nghị định quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất.

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định và phân cấp việc quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này phân cấp về thẩm quyền quyết định trong quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, gồm: Mua sắm tài sản công, tài sản công là vật tiêu hao, thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công, mục đích kinh doanh, **mục đích cho thuê, mục đích liên doanh, liên kết**, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án; Thẩm quyền quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

2. Nghị quyết này quy định về thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hoá, dịch vụ không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

3. Việc quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan của Đảng và đơn vị sự nghiệp của Đảng trên địa bàn tỉnh (trừ việc mua sắm, thuê tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước phục vụ hoạt động, thu hồi tài sản được Nhà nước giao bằng hiện vật và tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước tại Văn phòng huyện ủy, thành ủy, thị ủy và đơn vị sự nghiệp của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện) được thực hiện theo phân cấp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định tại Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết này. Trường hợp Ban Thường vụ Tỉnh ủy **giao Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh** tổ chức thực hiện thì thực hiện theo Nghị quyết này.

4. Thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê tài sản, hàng hoá, dịch vụ thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin, khoa học và công nghệ và các lĩnh vực khác (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành về công nghệ thông tin, khoa học và công nghệ và pháp luật khác có liên quan.

5. Những nội dung khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các Nghị định của Chính phủ, các Thông tư hướng dẫn

của Bộ Tài chính và quy định pháp luật có liên quan đến quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

2. Văn phòng huyện ủy, thành ủy, thị ủy và đơn vị sự nghiệp của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện (sau đây gọi là cơ quan, đơn vị của Đảng ở cấp huyện) mua sắm, thuê tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước phục vụ hoạt động, thu hồi tài sản được Nhà nước giao bằng hiện vật và tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước.

3. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công.

Điều 3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công, tài sản công là vật tiêu hao phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị; mua sắm hàng hóa, dịch vụ

1. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án được thực hiện theo quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công (trừ tài sản công là vật tiêu hao) trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

b) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã (sau đây gọi là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện) quyết định mua sắm tài sản công (không phải là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp) của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và dự toán mua sắm từ 500 triệu đồng trở lên của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

c) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng các nguồn vốn quyết định mua sắm tài sản công (không phải là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp) có dự toán mua sắm dưới 500 triệu đồng;

d) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định mua sắm tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) theo thẩm quyền quy định tại điểm c1 khoản 2 Điều 37 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP; đối với việc mua sắm cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô được thực hiện theo quy định tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều này;

đ) Dự toán mua sắm tại điểm b, c khoản này được xác định theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công là vật tiêu hao:

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng các nguồn vốn quyết định mua sắm tài sản công là vật tiêu hao.

Riêng thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định mua sắm tài sản công là vật tiêu hao phục vụ hoạt động của đơn vị theo thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 2 Điều 37a Nghị định số 151/2017/NĐ-CP được bổ sung tại được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 23 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP.

4. Thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hoá, dịch vụ không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP:

a) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng các nguồn vốn (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này) quyết định mua sắm đối với hàng hoá, dịch vụ có giá gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị lớn hơn 200 triệu đồng.

Đối với việc mua sắm hàng hoá, dịch vụ có giá gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị không quá 200 triệu đồng, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng các nguồn vốn quyết định mua sắm theo thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

b) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định mua sắm hàng hoá, dịch vụ phục vụ hoạt động của đơn vị mình.

5. Việc mua sắm đối với tài sản thuộc danh mục tài sản mua sắm tập trung (gồm: xe ô tô theo quy định tại Thông tư số 69/2024/TT-BTC ngày 01/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung cấp quốc gia và tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung cấp tỉnh) được thực hiện theo quy định pháp luật về đấu thầu, quy định tại Chương VI Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng các nguồn vốn quyết định thuê tài sản (không phải là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp), trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị theo thẩm quyền quy định tại điểm c

khoản 1 Điều 38 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 Nghị định 50/2024/NĐ-CP.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công

1. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định khai thác tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị theo thẩm quyền quy định tại điểm b3 khoản 4 Điều 41c Nghị định số 151/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 Nghị định 50/2024/NĐ-CP.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi nhà, đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cấp tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi đối với xe ô tô của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cấp tỉnh.

3. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đối với tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trừ các trường hợp quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này); giữa cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh với cấp huyện, cấp xã; giữa các huyện, thành phố, thị xã.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện; giữa cấp huyện với cấp xã; giữa các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Thẩm quyền quyết định bán tài sản cố định (không phải là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp):

a) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản quyết định bán tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

2. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công không phải là tài sản cố định:

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản quyết định bán theo thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 Điều 22 Nghị định số 151/2027/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 50/2014/NĐ-CP, khoản 2 Điều 50, Điều 56, khoản 7 Điều 57 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

3. Riêng tài sản được hình thành từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô), thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 50 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, không thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý đối với (trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này):

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Tài sản công là tài sản cố định (không phải là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp) của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và tài sản công là tài sản cố định (không phải là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp) có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Thẩm quyền quyết định thanh lý đối với xe ô tô:

a) Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý đối với xe ô tô của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý đối với xe ô tô của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý đối với Nhà văn hóa, hội quán tổ dân phố, thôn, xóm thuộc phạm vi quản lý.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định thanh lý đối với:

a) Tài sản công là tài sản cố định (không phải là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (Riêng thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thanh lý theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 Nghị định số 50/2017/NĐ-CP);

b) Tài sản công không phải là tài sản cố định theo thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 3 Điều 28 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 14 điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP, khoản 2 Điều 51, Điều 56, khoản 7 Điều 57 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định tiêu hủy đối với:

1. Tài sản công là tài sản cố định.
2. Tài sản công không phải là tài sản cố định theo thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 3 Điều 32 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 50/2025/NĐ-CP, khoản 1 Điều 52, Điều 56, khoản 7 Điều 57 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý đối với (trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này):

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Tài sản công là tài sản cố định (không phải là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp) của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và tài sản công là tài sản cố định (không phải là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp) có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Thẩm quyền quyết định xử lý đối với xe ô tô:

a) Giám đốc Sở Tài chính quyết định xử lý đối với xe ô tô của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý đối với xe ô tô của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định xử lý đối với Nhà văn hóa, hội quán tổ dân phố, thôn, xóm thuộc phạm vi quản lý.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định xử lý đối với:

a) Tài sản công là tài sản cố định (không phải là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;

b) Tài sản công không phải là tài sản cố định theo thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 3 Điều 34 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 18 Điều 1 Nghị định số 50/2025/NĐ-CP, khoản 2 Điều 53, Điều 56, khoản 7 Điều 57 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh.

Điều 13. Thẩm quyền phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích cho thuê

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích cho thuê

Điều 14. Thẩm quyền phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích liên doanh, liên kết

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích liên doanh, liên kết

Điều 15. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án giao, điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của cấp tỉnh; bán; thanh lý; tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của dự án thuộc phạm vi quản lý của cấp tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án giao, điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của cấp huyện; bán; thanh lý; tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của dự án thuộc phạm vi quản lý của cấp huyện.

Điều 16. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư

Điều 17. Phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

a) Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm mà khu vực phát hiện tài sản thuộc địa giới hành chính từ 02 huyện trở lên; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa;

tài sản của các vụ việc xử lý quy định tại khoản này bao gồm cả bất động sản hoặc di tích lịch sử - văn hóa và động sản;

b) Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, trừ tài sản quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP, trong các trường hợp: Tài sản chuyển giao là bất động sản, xe ô tô; tài sản chuyển giao không phải là bất động sản, xe ô tô mà khi chuyển giao không xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiếp nhận, quản lý, sử dụng;

c) Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động;

d) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giải thể;

đ) Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh ký hợp đồng dự án.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản (trừ bất động sản, xe ô tô) do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý mà khi chuyển giao đã xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiếp nhận, quản lý, sử dụng, trừ tài sản quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP .

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

a) Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm mà khu vực phát hiện tài sản thuộc địa bàn quản lý của huyện;

b) Tài sản (trừ bất động sản, xe ô tô) do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi quản lý mà khi chuyển giao đã xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiếp nhận, quản lý, sử dụng, trừ tài sản quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP;

c) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền;

d) Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã ký hợp đồng dự án;

đ) Tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không người thừa kế không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này theo thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP.

4. Trường hợp một vụ việc bao gồm nhiều loại tài sản cần xác lập quyền sở hữu toàn dân liên quan đến nhiều cấp có thẩm quyền đã được quy định tại khoản

1, 2, 3 Điều này thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là người quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với vụ việc.

Điều 18. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với:

a) Tài sản đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo quy định tại các khoản 1 và 4 Điều 14 Nghị quyết này;

b) Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong các trường hợp: Tài sản tịch thu là bất động sản, xe ô tô; tài sản tịch thu không phải là bất động sản, xe ô tô mà hình thức xử lý là giao hoặc điều chuyển theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 18 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP; trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này.

c) Tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người kết án bị tịch thu trong các trường hợp: Tài sản tịch thu là bất động sản, xe ô tô; tài sản tịch thu không phải là bất động sản, xe ô tô mà hình thức xử lý là giao hoặc điều chuyển theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 18 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP.

2. Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với: Tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người kết án bị tịch thu đã có quyết định thi hành án do cơ quan thi hành án cấp tỉnh, cơ quan thi hành án cấp quân khu chuyển giao; tài sản do cơ quan Điều tra cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh quyết định tịch thu; trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với:

a) Tài sản đã được thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị quyết này.

b) Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý quyết định tịch thu, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1, khoản 6 Điều này.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với:

a) Tài sản đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị quyết này;

b) Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do cơ quan, người có thẩm quyền cấp huyện quyết định tịch thu, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1, khoản 6 Điều này;

c) Tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người kết án bị tịch thu đã có quyết định thi hành án do cơ quan thi hành án cấp huyện chuyển giao; tài sản do cơ quan Điều tra cấp huyện, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện quyết định tịch thu; trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do cơ quan, người có thẩm quyền cấp xã quyết định tịch thu, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1, khoản 6 Điều này.

6. Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng, thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP là người phê duyệt phương án xử lý tài sản.

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Đối với nội dung về mua sắm, thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án; xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Nghị quyết 103/2023/NQ-HĐND thì tiếp tục thực hiện theo phân cấp quy định của Nghị quyết số 103/2023/NQ-HĐND.

2. Đối với nội dung về mua sắm, thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án; xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân phát sinh trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành mà chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì thực hiện như sau:

a) Trường hợp cấp có thẩm quyền đã trình phù hợp với quy định tại Nghị quyết này thì tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo để phê duyệt;

b) Trường hợp cấp có thẩm quyền đã trình không phù hợp với quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện lại theo quy định tại Nghị quyết này.

3. Khi cấp huyện giải thể, toàn bộ nội dung giao tại Nghị quyết này phân cấp cho cấp huyện chuyển về phân cấp cho cấp xã.

4. Khi các căn cứ pháp lý, văn bản dẫn chiếu có liên quan để ban hành Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng quy định mới thì áp dụng theo quy định mới.

5. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 103/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có thẩm quyền theo quy định và phân cấp tại Nghị quyết này chịu trách nhiệm toàn diện trong việc tổ chức thực hiện các nội dung liên quan đến quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công; mua sắm hàng hóa, dịch vụ; xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đảm bảo đúng thẩm quyền, hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chuẩn, định mức, quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, phạm vi quản lý thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm người đứng đầu, các tập thể, cá nhân trong trường hợp cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán phát hiện có vi phạm trong quá trình thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khóa XVIII, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2025 và có hiệu lực từ ngày 30 tháng 6 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán nhà nước khu vực II;
- Bộ Tư lệnh Quân khu IV;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Trang thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH